

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triển.
2. Ông Nguyễn Chí Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2024 về việc về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 319/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan T, sinh năm 1994; địa chỉ: \xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Đặng P, sinh năm 1988, địa chỉ: xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Phan T có mặt tại phiên tòa, anh Đặng P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T với anh P tự tìm hiểu quen biết nhau vào năm 2010 và đi đến hôn nhân vào năm 2010 được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/7/2012 tại UBND xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của chị T và anh P có nhiều mâu thuẫn,

bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì tiền bạc. Mâu thuẫn không thể nào sống chung nên năm 2017 chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Cuộc sống khó khăn chị T phải đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập nhưng anh P lại ghen tuông mù quáng có lần đánh chị T tại phòng trọ vào cuối năm 2019. Đến tháng 12/2020 anh P đến nhà trọ của chị T dẫn 2 con về nhà của anh P sinh sống từ đó cho đến nay. Chị T và anh P ly thân từ năm 2017 cho đến hiện tại. Nay chị T nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm đối với anh P không còn nên chị T yêu cầu ly hôn anh P.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh P có 2 con chung là Đặng Hoàng P, sinh ngày 16/9/2011 và Đặng Ngọc P, sinh ngày 15/12/2016. Chị T đồng ý giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu giải quyết. Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Đặng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Phan T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đặng P theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Đặng P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Đặng P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh P chung sống vợ chồng từ năm 2010, trên cơ

sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/7/2012 tại UBND xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn như bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì tiền bạc. Trong cuộc sống hàng ngày giữa chị T và anh P luôn phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không thể nào mang lại hạnh phúc. Năm 2017 chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian ly thân chị T đi làm thêm anh P lại ghen tuông đánh chị T tại phòng trọ, chị T cũng như anh P không biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án cũng đã động viên, hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng để cùng chăm lo cho các con, nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh P.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...*”.

Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh P, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân với anh P không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T không thể tiếp tục chung sống với anh P. Trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị T cũng không quay về chung sống với anh P, chị T thiết tha yêu cầu được ly hôn anh P.

Về phía anh P từ khi thụ lý vụ án anh P không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt không ý kiến gì, đồng thời cố ý không chấp hành pháp luật.

Từ đó cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có sự thương yêu, quan tâm chăm sóc, tôn trọng nhau. Nếu chị T và anh P đoàn tụ tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc. Do đó, xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn anh P là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh P có 2 con chung là Đặng Hoàng P, sinh ngày 16/9/2011 và Đặng Ngọc P, sinh ngày 15/12/2016. Hiện nay Đặng Hoàng P và

Đặng Ngọc P đang do anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T đồng ý tiếp tục giao con chung cho anh P nuôi dưỡng, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đặng Hoàng P và cháu Đặng Ngọc P là mong muốn được sống với cha khi cha mẹ ly hôn, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T không trực tiếp nuôi con đáng lý ra phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng anh P bỏ mặt không ý kiến gì và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phan T được ly hôn với anh Đặng P.
2. Về nuôi con chung: Anh Đặng P được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên là Đặng Hoàng P, sinh ngày 16/9/2011 và Đặng Ngọc P, sinh ngày 15/12/2016.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Phan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Phan T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001509,

ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Chị Phan T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/7/2024). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho đương sự hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (A)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Diễm